

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

ST T	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân..	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp - Bật qua các vòng - Chạy theo hướng thẳng - Đi trong đường ngoằn ngoèo - Đi kết hợp với chạy - Bước lên xuống bậc có vịn - Đi bước qua gậy kê cao - Đứng co 1 chân - Chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô - Đi bước vào các ô - Bước lên bậc cao 15 cm - Chạy đổi hướng - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng	3 1 4 5 6 7 6 4 10 5 9 2 3 2 10
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích	- Tung-bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng 2 tay - Tung bóng qua dây - Ném xa bằng 1 tay	7 4 3 8

	xa 1-1,2m.	- Ném bóng về phía trước - Ném trúng đích	8 8 7
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Trườn qua vật cản - Bò Trong đường hẹp - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Trườn về phía trước - Trườn chui qua cổng	6 1 1 8 10 5 10
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	- Bật qua vạch kẻ - Bật về phía trước - Bật xa bằng 2 chân - Nhún bật về phía trước - Bò qua vật cản - Bật tại chỗ - Bò qua vật cản và ném qua dây	5 2 8 3 7 9 9
3. Thực hiện vận động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt			
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo".	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ.	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Nhón nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe;			
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt	1,2,3,4,5

		trong ăn uống	
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa	1,2,3,4
10	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định	- - Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	1,2,3,4,5,6
2.Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
11	- Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. +Chuẩn bị chỗ ngủ.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
3.Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
13	- Trẻ biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	1,2,3,4,7,8,10
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	2,5,6,7,8,9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
15	- Trẻ biết Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua)	2, 3,4,5,6,7,8
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
16	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	1,2,3,4,8,10
17	- Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	1,2,3,4,10
18	- Trẻ có thể nói được tên và một vài chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Vị trí trong không gian so với bản thân trẻ (trên – dưới, trước sau) so với bản thân trẻ - Số lượng một – nhiều	1,9,10
19	- Trẻ biết nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả,	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	5,6,7,8,3

	con vật quen thuộc		
20	- Trẻ biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.	1,2,3,4,5,8,10
21	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (to- nhỏ) Hình tròn, Hình vuông	3,6,2

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

22	- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá và đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	1,2,3,4,5,8,9,10
23	-Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì ?”; “....thế nào ?”(VD: Con gà gáy thế nào?...)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “ Làm gì ?”; “Để làm gì?”; “ ở đâu?”; “ Như thế nào?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì?”; “ Làm gì?”; “ở đâu?”; “thế nào?”; “để làm gì?”; “Tại sao?”.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
24	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Trả lời câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát chuyện ngắn	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10

2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu

25	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
26	- Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
27	- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp

28	- Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
29	- Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	1,3,4,5,6,7,8,9,10
30	- Trẻ biết lắng nghe, chú ý	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
31	- Phát triển vốn từ cho trẻ	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ;

1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân

32	- Trẻ có thể nói được một vài thông	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	1
----	-------------------------------------	--	---

	tin về mình (tên, tuổi).		
33	- Trẻ biết Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	1,2
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
34	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	2,3,4,5,6,7,8,9,10
35	- Trẻ có thể nhận biết biểu lộ cảm xúc được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
36	-Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
37	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	3
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
38	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, ‘vâng ă”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
39	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm , lớp:xếp hàng chờ đến lượt,để đồ chơi vào nơi quy định	1,2,4,5,10
40	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10

		bạn.	
41	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
4. Thể hiện cảm xúc qua bài hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
42	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
43	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	-Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	St t	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
08/9->12/9/2025 15/9->19/9/2025 22/9->26/9/2025	1	Bé và các bạn	- Các bạn của bé - Bé biết nhiều thứ Cơ thể kỳ diệu của bé	3 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày hội đến trường của bé	
29/9->3/10/2025 6/10->10/10/2025 13/10->17/10/2025	2	Đồ chơi của bé	- Bé Vui tết trung thu - Đồ dùng cá nhân của bé - Đồ dùng của bé ở lớp	3 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 Tuần	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
20/10->24/10/2025 27/10->31/10/2025 3/11->07/11/2025 10/11->14/11/2025	3	Những con vật đáng yêu	- Con vật nuôi trong gia đình - Con vật sống dưới nước - Con vật sống trong rừng - Những con côn trùng	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 Tuần		
17/11->21/11/2025 24/11->28/11/2025 1/12->5/12/2025	4	Các cô các bác trong trường mầm non – Ngày hội của cô giáo	- Ngày hội của cô giáo - Cô giáo của e - Công việc của các bác cấp dưỡng	3 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Lễ Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	

08/12->12/12/2025 15/12->19/12/2025 22/12->26/12/2025 29/12->02/1/2026	5	Cây Xan và những bông hoa đẹp – ngày truyền thống chú bộ đội	- Vườn rau của bé - Ngày truyền thống chú bộ đội - Bé yêu cây xanh - Những bông hoa đẹp	4 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/2025) - Ngày tết dương lịch(01/01/2026)	
05/1->9/1/2026 12/1->16/1/2026 19/01->23/01/2026	6	Phương Tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ PTGT đường sắt, đường hàng không PTGT đường thủy	3 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Nghỉ tết âm lịch	
26/1->30/1/2026 2/2->6/2/2026 9/2-13/2/2026 16/2-20/2/2026 23/2->27/2/2026	7		Mùa xuân đến rồi Hoa quả ngày tết Bé vui đón tết Nghỉ tết nguyên đán Một số loại hoa	3 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày tết nguyên đán	

2/3->6/3/2026			-Ngày Hội của mẹ và các bạn gái	4 Tuần	Ngày hội của bà,mẹ	
9/3->13/3/2026		Bé Và Những người thân yêu trong gia đình	Đồ dùng Trong gia đình			
16/3=>20/3/2026			Ngôi nhà thân yêu của bé			
23/3->27/3/2026			Bé và những người thân yêu của bé			
30/3->3/4/2026	9	Mùa hè đến	- Mùa hè đến rồi	3 tuần		
6/4->10/4/2026			- Nước và các hiện tượng tự nhiên	1 tuần		
13/4->17/4/2026			- Trang phục mùa hè của bé	1 tuần		
20/4=>24/4/2026			Bé chuẩn bị lên mẫu giáo	1 tuần	- Ngày giải phóng miền nam 30/4	
27/4=>1/5/2026	10	Bé lên Mẫu giáo	ôn	1 tuần		
5/5=>8/5/2026			Lớp mẫu giáo của bé	1 tuần	- Ngày quốc tế lao động 01/5	
11/5=>15/5/2026			Đồ dùng của lớp mẫu giáo	1 tuần		
18/5=>22/5/2026			Bác hồ kính yêu	1 tuần		
Tổng				35 tuần		

Người lập

Chuyên Môn Duyệt

Cà Thị Thơ

Lường Thị Thu

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 10:34 15/01/2026
bởi Cà Thị Thơ (mnnakhoa_thoet) – Trường Mầm non Nà Khoa